



MOORE AISC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH
KHÁNH HÒA**

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 - 40

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Phát hành Sách Khánh Hòa (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200535578, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 27 tháng 10 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 01 tháng 02 năm 2024 về tăng vốn điều lệ công ty.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (kinh doanh bất động sản).
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: mua bán sách, báo, tạp chí, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ chơi, trò chơi trẻ em, mua bán các sản phẩm khác từ giấy và bìa carton.
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh).
- Bán lẻ các hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (bán lẻ đồ trang sức, hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, tranh ảnh và tác phẩm nghệ thuật, đồng hồ, mắt kính, máy ảnh và vật liệu ảnh, bán lẻ các hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu).
- Bán mô tô, xe máy, ô tô và xe có động cơ khác.

Tên viết tắt: FAHASA KHANH HOA.

Trụ sở chính: 34 Thống Nhất, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Hoàng Thanh Bình	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà	Nguyễn Thị Minh Quang	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà	Nguyễn Thị Tuất	Thành viên
Ông	Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 10/06/2023)

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Ông	Phan Hoàng Phong	Trưởng ban (miễn nhiệm từ ngày 10/06/2023)
Bà	Ngô Thị Kiều Hạnh	Trưởng ban (bổ nhiệm từ ngày 10/06/2023)
Bà	Nguyễn Thị Linh Huệ	Thành viên
Ông	Đỗ Tiến Thuận	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 10/06/2023)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Đỗ Cử Nhân	Giám đốc
Ông	Trần Thái Nhân	Phó Giám đốc
Ông	Nguyễn Hữu Cấp	Phó Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính

Ông	Đỗ Cử Nhân	Giám đốc
-----	------------	----------

4. Vấn đề khác

Báo cáo tài chính này được lập để thay thế cho báo cáo tài chính đã được kiểm toán số C0324093-R/MOORE AISC-DN2 ngày 20 tháng 3 năm 2024 do Công ty điều chỉnh thông tin thuyết minh Báo cáo tài chính. Thông tin điều chỉnh được thay đổi không ảnh hưởng đến các số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC ("MOORE AISC") được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

6. Cam kết của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

7. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 05 năm 2024



Hoang Thanh Bình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Số: C0324093-RTT/MOORE AISC-DN2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH KHÁNH HÒA

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của **Công ty Cổ phần Phát hành sách Khánh Hòa** (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 05 năm 2024, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thuyết minh báo cáo tài chính V.2 "Các khoản đầu tư tài chính", khoản đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Xây dựng và Thương mại Nam Việt với giá trị đầu tư 9.800.000.000 VND, chiếm 49% giá trị vốn chủ sở hữu của Công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Xây dựng và Thương mại Nam Việt hiện đang tạm ngừng việc triển khai đầu tư dự án do chờ thủ tục cấp phép của Nhà nước. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết nêu trên với giá trị dự phòng là 980.000.000 VND (tương ứng 10% giá trị đầu tư). Từ những tài liệu, hồ sơ kiểm toán thu thập được và các thông tin hiện có, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh ảnh hưởng từ khoản dự phòng này vào chỉ tiêu lợi nhuận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 không. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 do ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát hành sách Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo này được phát hành để thay thế cho báo cáo kiểm toán số C0324093-R/MOORE AISC-DN2 ngày 20 tháng 3 năm 2024 đã phát hành do Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phát hành sách Khánh Hòa điều chỉnh thông tin thuyết minh Báo cáo tài chính. Thông tin điều chỉnh được thay đổi không ảnh hưởng đến các số liệu của Báo cáo tình hình cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 05 năm 2024

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Dương Thị Phương Anh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0321-2023-005-1

Nguyễn Như Yến

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 5444-2020-005-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40.169.976.224	33.747.819.814
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.820.994.817	3.509.685.015
1. Tiền	111		6.820.994.817	3.509.685.015
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.648.680.000	5.232.500.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	6.648.680.000	5.232.500.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		577.723.088	664.723.495
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	291.659.664	293.173.769
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	20.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	843.648.531	774.718.383
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3,4	(557.585.107)	(423.168.657)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	25.747.232.812	24.015.483.799
1. Hàng tồn kho	141		25.747.232.812	24.015.483.799
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		375.345.507	325.427.505
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	375.345.507	325.427.505
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		79.891.336.443	65.622.043.785
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		40.219.027.000	28.902.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	40.219.027.000	28.902.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		20.173.183.084	16.308.893.472
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	9.401.397.809	5.500.448.569
- Nguyên giá	222		18.191.391.199	13.185.604.458
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.789.993.390)	(7.685.155.889)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	10.771.785.275	10.808.444.903
- Nguyên giá	228		11.437.737.834	11.437.737.834
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(665.952.559)	(629.292.931)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		18.620.000.000	19.600.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	19.600.000.000	19.600.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(980.000.000)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		879.126.359	811.150.313
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	879.126.359	811.150.313
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		120.061.312.667	99.369.863.599

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		67.868.949.942	59.266.489.825
I. Nợ ngắn hạn	310		65.684.613.942	58.014.889.825
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.10	25.236.626.940	22.850.541.010
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		11.240.491	30.921.491
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	552.591.394	711.909.945
4. Phải trả người lao động	314		3.277.561.857	4.365.577.692
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	1.642.761.709	1.576.526.309
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		342.300.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	329.097.688	197.939.051
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	33.000.010.344	26.274.032.877
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.15	1.200.000.000	2.000.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		92.423.519	7.441.450
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.184.336.000	1.251.600.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	2.184.336.000	1.251.600.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		52.192.362.725	40.103.373.774
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	52.192.362.725	40.103.373.774
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		47.502.770.000	36.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		47.502.770.000	36.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18.000.000	18.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		860.771.856	860.771.856
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		159.537.348	159.537.348
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.651.283.521	3.065.064.570
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.651.283.521	3.065.064.570
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		120.061.312.667	99.369.863.599

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 05 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thu Thảo

Nguyễn Hữu Cấp

Đỗ Cử Nhân



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	136.266.173.384	128.042.446.148
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		136.266.173.384	128.042.446.148
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	95.869.028.205	89.673.452.686
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		40.397.145.179	38.368.993.462
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.513.243.673	328.010.990
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.340.987.513	1.828.874.806
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.335.188.759	1.820.976.989
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	22.555.046.517	25.708.965.236
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	10.828.968.198	7.133.865.771
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		5.185.386.624	4.025.298.639
11. Thu nhập khác	31		169.143.750	78.887.071
12. Chi phí khác	32		156.130.980	47.948.586
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		13.012.770	30.938.485
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.198.399.394	4.056.237.124
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	1.260.615.873	851.772.554
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.937.783.521	3.204.464.570

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 05 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC






Nguyễn Thị Thu Thảo

Nguyễn Hữu Cấp

Đỗ Cử Nhân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.198.399.394	4.056.237.124
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7,8	1.141.497.129	682.741.744
- Các khoản dự phòng	03		314.416.450	201.618.625
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.477.265)	(3.593.750)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2.335.188.759	1.820.976.989
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.985.024.467	6.757.980.732
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(11.374.095.504)	10.071.524.616
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(1.731.749.013)	(3.478.836.662)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		2.581.657.262	3.413.703.284
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(117.894.048)	166.169.410
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		(1.416.180.000)	(5.232.500.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.335.188.759)	(1.820.976.989)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.261.772.554)	(680.011.906)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2.009.652.461
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(455.930.040)	(266.428.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh/doanh	20		(7.126.128.189)	10.940.276.946
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(5.005.786.741)	(764.542.708)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.477.265	3.593.750
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.001.309.476)	(760.948.958)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

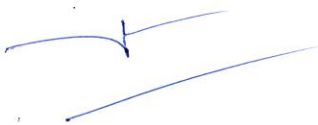
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		11.502.770.000	6.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		97.408.578.243	91.075.229.965
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(90.682.600.776)	(103.339.438.683)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.790.000.000)	(1.440.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		15.438.747.467	(7.704.208.718)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		3.311.309.802	2.475.119.270
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.509.685.015	1.034.565.745
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	6.820.994.817	3.509.685.015

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 05 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC






Nguyễn Thị Thu Thảo

Nguyễn Hữu Cấp

Đỗ Cử Nhân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Phát hành Sách Khánh Hòa (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200535578, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu vào ngày 27 tháng 10 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 01 tháng 02 năm 2024 về tăng vốn điều lệ công ty.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Tên viết tắt: FAHASA KHANH HOA.

Trụ sở chính: 34 Thống Nhất, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Hoạt động chính của Công ty

- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (kinh doanh bất động sản).
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: mua bán sách, báo, tạp chí, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ chơi, trò chơi trẻ em, mua bán các sản phẩm khác từ giấy và bìa carton.
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh).
- Bán lẻ các hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (bán lẻ đồ trang sức, hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, tranh ảnh và tác phẩm nghệ thuật, đồng hồ, mắt kính, máy ảnh và vật liệu ảnh, bán lẻ các hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu).
- Bán mô tô, xe máy, ô tô và xe có động cơ khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2023: 136 nhân viên. (Ngày 31/12/2022: 138 nhân viên).**7. Cấu trúc doanh nghiệp**

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có hai (02) công ty liên kết như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Xây dựng và Thương mại Nam Việt. Địa chỉ: 02 Thống Nhất, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.	Năm 2023, Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa phát sinh các hoạt động kinh doanh.	49%	49%	49%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thiên Quang. Địa chỉ: 11 Lê Thành Phương, P.Vạn Thắng, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.	Năm 2023, Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa phát sinh các hoạt động kinh doanh.	49%	49%	49%

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều thông tư 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều thông tư 200/2014/TT-BTC cũng như thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty này. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- **Phải thu của khách hàng** phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác (tiếp theo)

- **Phải thu khác** phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán: Công ty ước tính phần giá trị bị tổn thất và trích lập dự phòng theo quy định hiện hành.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) (tiếp theo)*Tài sản cố định hữu hình mua sắm*

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

5.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>10 - 25 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>03 - 05 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>06 - 10 năm</i>
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>03 - 45 năm</i>

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

6. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty ghi nhận các khoản mang đi góp vốn vào BCC ban đầu theo giá gốc và phản ánh là nợ phải thu khác.

BCC phân chia lợi nhuận

Công ty nhận lợi nhuận được chia từ BCC

BCC quy định các bên khác trong BCC chỉ được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ, Công ty ghi nhận phần doanh thu, chi phí tương ứng với phần mình được chia từ BCC.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: công cụ dụng cụ, chi phí trả trước tiền thuê văn phòng, tiền thuê đất...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng. Riêng tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (24 năm).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Nợ phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

9. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí hao hụt, chi phí bao sách giáo khoa, chi phí lãi vay... Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kê toán.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác**

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Vốn khác: Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn năm (5) điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác).

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, chiết khấu thanh toán được nhận của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chiết khấu thanh toán được ghi nhận trên cơ sở khi nhận được tiền hoặc chứng từ khấu trừ công nợ

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Công ty đã được quyết toán thuế đến năm 2018.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

18. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Công cụ tài chính (tiếp theo)**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

19. Các bên liên quan

Thông tin về các bên liên quan tại công ty như sau:

(i) Những doanh nghiệp kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với công ty (bao gồm công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn);

(i) Các công ty liên kết;

(ii) Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi người đó khi giao dịch với công ty như quan hệ: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột;

(iii) Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của công ty, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

20. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2023	01/01/2023
Tiền	6.820.994.817	3.509.685.015
Tiền mặt	574.512.979	381.023.104
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	6.246.481.838	3.128.661.911
Ngân hàng TMCP Công Thương VN	3.876.723.510	932.015.851
Ngân hàng TMCP Á Châu	690.018.916	412.655.261
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	504.813.661	737.365.479
Ngân hàng TMCP Kiên Long	489.708.708	592.956.762
Ngân hàng TMCP khác	685.217.043	453.668.558
Cộng	6.820.994.817	3.509.685.015

2. Các khoản đầu tư tài chính: Xem trang 37-38.

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	291.659.664	(114.081.532)	293.173.769	(102.550.032)
Khách hàng trong nước	291.659.664	(114.081.532)	293.173.769	(102.550.032)
Công ty CP DV Điện tử Việt - Bên liên quan	5.895.175	-	28.776.750	-
Công ty CP Xây dựng Điện 4	45.033.600	-	42.206.600	-
Công ty TNHH MTV Hùng Phát Đạt	63.909.900	(61.828.702)	63.909.900	(61.828.702)
Khách hàng trong nước khác	176.820.989	(52.252.830)	158.280.519	(40.721.330)
Cộng	291.659.664	(114.081.532)	293.173.769	(102.550.032)

4. Phải thu khác	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	843.648.531	(443.503.575)	774.718.383	(320.618.625)
Phải thu khác là bên liên quan	412.146.250	(324.503.575)	403.237.250	(201.618.625)
+ Chi hộ cho Công ty CP Thiên Quang	120.004.000	(120.004.000)	117.004.000	(58.502.000)
+ Chi hộ cho Công ty CP Nam Việt	292.142.250	(204.499.575)	286.233.250	(143.116.625)
Tạm ứng	44.906.781	-	62.056.372	-
Phải thu khác	386.595.500	(119.000.000)	309.424.761	(119.000.000)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Phải thu khác	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
b. Dài hạn	40.219.027.000	-	28.902.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	219.027.000	-	202.000.000	-
+ Ký quỹ thuê nhà	219.027.000	-	202.000.000	-
Góp vốn theo BCC phân chia lợi nhuận với Công ty CP Môi Trường Sống (*)	40.000.000.000	-	28.700.000.000	-
Cộng	41.062.675.531	(443.503.575)	29.676.718.383	(320.618.625)

(*) Đây là khoản góp vốn theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 3010/HĐHTKD/2017 ngày 30/10/2017 về việc Đầu tư thực hiện Dự án Kho bãi tổng hợp, dịch vụ hậu cần, dịch vụ Logistic-HABITAT tại xã Tân Phước, huyện Tân Thành (nay là phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, thời gian hoạt động của dự án là 50 năm kể từ khi được cấp giấy phép đầu tư. Theo Phụ lục 04/2023/PL-HĐHTKD ngày 13 tháng 12 năm 2023, tổng số vốn góp của Công ty CP Phát hành Sách Khánh Hòa là 50 tỷ đồng. Công ty đang trong giai đoạn góp vốn bổ sung. Hiện tại dự án đã được cấp giấy phép xây dựng và đã khởi công tháng 5/2024.

5. Nợ xấu	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	647.308.980	89.723.873	223.631.230	2.081.198
+ Khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán	116.162.730	2.081.198	104.631.230	2.081.198
+ Khoản phải thu khác quá hạn thanh toán	531.146.250	87.642.675	119.000.000	-

6. Hàng tồn kho	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	110.318.367	-	177.850.910	-
Hàng hoá	25.636.914.445	-	23.837.632.889	-
Cộng	25.747.232.812	-	24.015.483.799	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: không có.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	10.980.580.975	1.869.739.121	335.284.362	13.185.604.458
<i>Mua trong năm</i>	-	-	169.759.091	169.759.091
<i>Đầu tư XDCB hoàn thành</i>	4.836.027.650	-	-	4.836.027.650
Số dư cuối năm	15.816.608.625	1.869.739.121	505.043.453	18.191.391.199
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	5.694.029.016	1.655.842.511	335.284.362	7.685.155.889
<i>Khấu hao trong năm</i>	1.000.208.643	99.913.328	4.715.530	1.104.837.501
Số dư cuối năm	6.694.237.659	1.755.755.839	339.999.892	8.789.993.390
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	5.286.551.959	213.896.610	-	5.500.448.569
Số dư cuối năm	9.122.370.966	113.983.282	165.043.561	9.401.397.809

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 4.323.781.485 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.877.766.861 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý: Không có.

8. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	10.941.628.067	435.684.000	60.425.767	11.437.737.834
Số dư cuối năm	10.941.628.067	435.684.000	60.425.767	11.437.737.834
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	157.711.164	411.156.000	60.425.767	629.292.931
<i>Khấu hao trong năm</i>	12.131.628	24.528.000	-	36.659.628
Số dư cuối năm	169.842.792	435.684.000	60.425.767	665.952.559
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	10.783.916.903	24.528.000	-	10.808.444.903
Số dư cuối năm	10.771.785.275	-	-	10.771.785.275

- Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 10.771.785.275 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 496.109.767 VND.
- Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

* Quyền sử dụng đất chi tiết như sau:

- + Trung tâm sách Vĩnh Phước (nhận chuyển nhượng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T-01428, địa chỉ: Số 03, tổ 35, đường 2/4, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang);
- + Trung tâm Sách Ninh Hòa (nhận chuyển nhượng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CT-00594, địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Ninh Hòa, huyện Ninh Hòa, thành phố Nha Trang);
- + Trung tâm sách Cam Ranh (nhận chuyển nhượng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CT-18346, địa chỉ: 2010, Đại Lộ Hùng Vương, phường Cam Lộ, thành phố Cam Ranh);
- + Trung tâm sách Diên Khánh (nhận chuyển nhượng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T-00376/2006, địa chỉ: Số 120, đường Lý Tự Trọng, thị trấn Diên Khánh, huyện Diên Khánh, thành phố Nha Trang);
- + Trung tâm sách Vạn Ninh (nhận chuyển nhượng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T-01440, địa chỉ: Số 192, đường Hùng Vương, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, thành phố Nha Trang);

	31/12/2023	01/01/2023
9. Chi phí trả trước	31/12/2023	01/01/2023
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	375.345.507	325.427.505
Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng	136.675.000	136.675.000
Chi phí phân bổ ngắn hạn khác (CCDC, chi phí sửa chữa, ...)	238.670.507	188.752.505
b. Chi phí trả trước dài hạn	879.126.359	811.150.313
Chi phí thuê đất, thuê mặt bằng nhà sách	450.476.255	277.998.515
Chi phí phân bổ dài hạn khác (CCDC, chi phí sửa chữa, ...)	428.650.104	533.151.798
Cộng	1.254.471.866	1.136.577.818

10. Phải trả người bán	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	25.236.626.940	25.236.626.940	22.850.541.010	22.850.541.010
Nhà cung cấp trong nước	25.236.626.940	25.236.626.940	22.850.541.010	22.850.541.010
Công ty CP Dịch vụ Điện tử Việt - Bên liên quan	887.727.500	887.727.500	435.627.500	435.627.500
Công ty CP Chứng khoán Beta - Bên liên quan	2.200.000.000	2.200.000.000	-	-
Cửa hàng đồ chơi Mỹ Hoa	247.308.300	247.308.300	809.389.000	809.389.000
Cửa hàng Tạ Vĩnh Huy	579.516.000	579.516.000	639.811.000	639.811.000
Cửa hàng Nguyễn Xuân Hà	981.996.910	981.996.910	522.237.714	522.237.714
Công ty CP XNK Bình Tây	777.179.594	777.179.594	320.669.026	320.669.026
Nhà cung cấp khác	19.562.898.636	19.562.898.636	20.122.806.770	20.122.806.770
Cộng	25.236.626.940	25.236.626.940	22.850.541.010	22.850.541.010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
Thuế giá trị gia tăng	220.895.191	2.683.061.887	2.838.859.340	65.097.738
Thuế thu nhập doanh nghiệp	461.772.554	1.260.615.873	1.261.772.554	460.615.873
Thuế thu nhập cá nhân	29.242.200	254.866.195	257.230.612	26.877.783
Tiền thuê đất	-	564.610.820	564.610.820	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	12.691.152	12.691.152	-
Các loại thuế khác	-	16.000.000	16.000.000	-
Cộng	711.909.945	4.791.845.927	4.951.164.478	552.591.394

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Mức thuế suất

- Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho sách và văn phòng phẩm Không chịu thuế, 5%, 10%
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng dịch vụ cho thuê mặt bằng 10%

Trong năm, Công ty được giảm thuế GTGT bán hàng hóa xuống còn 8% từ ngày 01/07/2023 theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2023.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

Vị trí đất	Mức tiền thuê
Số 11, Lê Thành Phương, phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang	460.800 VND/m2/năm
Số 2, Thống Nhất, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang (Đất sử dụng chung)	633.600 VND/m2/năm
Số 2, Thống Nhất, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang (Đất sử dụng riêng)	576.000 VND/m2/năm
Số 32, 34, 36, Thống Nhất, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang	720.000 VND/m2/năm

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Trích trước chi phí hao hụt và chi phí bao sách giáo khoa	455.419.700	420.989.300
Trích trước chi phí lãi vay	1.086.287.009	1.086.287.009
Trích trước khác	101.055.000	69.250.000
Cộng	1.642.761.709	1.576.526.309

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Phải trả khác	31/12/2023	01/01/2023
a. Ngắn hạn	329.097.688	197.939.051
Kinh phí công đoàn	207.937.688	93.079.051
Các khoản phải trả, phải nộp khác	121.160.000	104.860.000
b. Dài hạn	2.184.336.000	1.251.600.000
Nhận ký quỹ thuê nhà Công ty TNHH Lotteria Việt Nam	2.184.336.000	1.251.600.000
Cộng	2.513.433.688	1.449.539.051

14. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	33.000.010.344	33.000.010.344	26.274.032.877	26.274.032.877
Vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	33.000.010.344	33.000.010.344	26.274.032.877	26.274.032.877
Cộng	33.000.010.344	33.000.010.344	26.274.032.877	26.274.032.877

Thuyết minh cho các khoản vay

Số hợp đồng/ Hạn mức	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
<i>Khoản vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo hợp đồng vay sau:</i>				
262/2023- HĐCVHM/NHCT580-PHS ngày 27/06/2023 Hạn mức: 35 tỷ VND	12 tháng	L/s thông thường: 9,0%/ năm, Kỳ hạn 6 tháng: 6%/ năm	33.000.010.344	Tài sản đảm bảo theo các HĐĐB

15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	31/12/2023	01/01/2023
Quỹ dự phòng tiền lương	1.200.000.000	2.000.000.000
Cộng	1.200.000.000	2.000.000.000

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: Xem trang số 39.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết vốn góp	Tỷ lệ vốn góp tại		
	31/12/2023	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP DV Điện Tử Việt	85,52%	40.624.640.000	29.249.740.000
Công ty CP Chứng khoán BETA	7,58%	3.600.000.000	3.600.000.000
Vốn góp của các nhà đầu tư khác	6,90%	3.278.130.000	3.150.260.000
Cộng	100%	47.502.770.000	36.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2023	Năm 2022
Vốn góp của chủ sở hữu	47.502.770.000	36.000.000.000
<i>Vốn góp đầu năm</i>	36.000.000.000	30.000.000.000
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>	11.502.770.000	6.000.000.000
<i>Vốn góp cuối năm</i>	47.502.770.000	36.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.790.000.000	1.440.000.000
d. Cổ phiếu	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.750.277	3.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.750.277	3.600.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.750.277	3.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.750.277	3.600.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.750.277	3.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000
e. Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2023	01/01/2023
Quỹ đầu tư phát triển	159.537.348	159.537.348
Cộng	159.537.348	159.537.348

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**a. Tài sản thuê ngoài:** Công ty có các tài sản thuê theo các thời hạn như sau:

- Công ty thuê đất Nhà nước dài hạn trả tiền một lần theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT-10619/2016 tại địa chỉ số 73, Thống Nhất, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, thời gian thuê từ ngày 29/03/2016 đến 11/02/2034. Hiện tại, Công ty đóng tiền thuê đất theo thông báo từ cơ quan nhà nước.
- Công ty thuê đất Nhà nước dài hạn trả tiền thuê đất hằng năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T-00407/2006 tại địa chỉ số 32-34-36, Thống Nhất, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, thời gian thuê từ ngày 28/11/2006 đến 11/02/2034. Hiện tại, Công ty đóng tiền thuê đất theo thông báo từ cơ quan nhà nước.
- Công ty thuê đất Nhà nước dài hạn trả tiền thuê đất hằng năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T-01442 tại địa chỉ số 11, Lê Thành Phương, phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang, thời gian thuê từ ngày 07/10/2008 đến 01/11/2023. Hiện tại, Công ty đóng tiền thuê đất theo thông báo từ cơ quan nhà nước.
- Công ty thuê đất Nhà nước dài hạn trả tiền thuê đất hằng năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT-01165 ngày 19/3/2012 tại địa chỉ số 184, Hùng Vương, thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, thành phố Nha Trang, thời gian thuê vô thời hạn. Hiện tại, Công ty đóng tiền thuê đất theo thông báo từ cơ quan nhà nước.
- Công ty thuê đất Nhà nước dài hạn trả tiền thuê đất hằng năm theo hợp đồng thuê nhà số 58/2018/HĐ-KD ngày 26/07/2018 với Trung tâm quản lý nhà và chung cư tại địa chỉ số 2, Thống Nhất, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang. Hiện tại vẫn chưa có gia hạn thêm thời gian trên hợp đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

a. Tài sản thuê ngoài: Công ty có các tài sản thuê theo các thời hạn như sau:

- Công ty thuê đất với cá nhân theo hợp đồng thuê 01/2019/HĐ/PHS-CN ngày 07/05/2019 tại địa chỉ số 212 Hòn Khói, Ninh Diêm, Ninh Hòa, thành phố Nha Trang, thời gian thuê là 10 năm từ 07/05/2019 đến 07/05/2029. Giá thuê theo hợp đồng thuê.

- Công ty thuê đất với cá nhân theo hợp đồng thuê 01/2021/HĐ/PHS-CN ngày 01/01/2021 tại địa chỉ số 68, Dã Tượng, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, thời gian thuê là 9 năm từ 01/01/2022 đến 31/12/2030. Giá thuê theo hợp đồng thuê.

b. Tài sản nhận giữ hộ	31/12/2023	01/01/2023
Hàng hoá nhận ký gửi	650.440.289	203.144.148
Cộng	650.440.289	203.144.148

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu bán hàng hóa	134.284.679.818	126.279.505.240
Doanh thu cho thuê mặt bằng	1.981.493.566	1.762.940.908
Cộng	136.266.173.384	128.042.446.148
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn của hàng hóa đã bán	95.849.505.945	89.653.930.426
Giá vốn cho thuê mặt bằng	19.522.260	19.522.260
Cộng	95.869.028.205	89.673.452.686
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi	4.477.265	3.593.750
Chiết khấu thanh toán	323.266.408	324.417.240
Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh	1.185.500.000	-
Cộng	1.513.243.673	328.010.990
4. Chi phí tài chính	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí lãi vay	2.335.188.759	1.820.976.989
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	980.000.000	-
Chi phí tài chính khác	25.798.754	7.897.817
Cộng	3.340.987.513	1.828.874.806

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2023	Năm 2022
5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	17.192.341.276	20.759.494.844
Chi phí vật liệu, bao bì	555.275.534	645.619.116
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	323.343.106	531.632.465
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.095.762.419	578.230.091
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.016.356.014	873.969.612
Chi phí bằng tiền khác	2.371.968.168	2.320.019.108
Cộng	22.555.046.517	25.708.965.236
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	4.108.949.502	3.694.744.771
Chi phí vật liệu, bao bì	90.715.877	112.075.407
Chi phí đồ dùng văn phòng	127.034.534	61.637.636
Chi phí khấu hao TSCĐ	45.734.710	61.317.189
Thuế, phí, lệ phí	401.105.797	249.685.716
Dự phòng phải thu khó đòi	134.416.450	201.618.625
Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.084.971	114.446.839
Chi phí bằng tiền khác	5.803.926.357	2.638.339.588
Cộng	10.828.968.198	7.133.865.771
6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nhân công	21.301.290.778	24.454.239.615
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.141.497.129	639.547.280
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.229.810.036	2.339.381.075
Chi phí khác bằng tiền	8.577.000.322	5.208.044.412
Cộng	33.249.598.265	32.641.212.382
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2023	Năm 2022
1. Tổng LN kế toán trước thuế	5.198.399.394	4.056.237.124
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
2.1. Các khoản điều chỉnh tăng	1.104.679.970	202.625.646
2.2. Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
3. Thu nhập chịu thuế (3=1+2)	6.303.079.364	4.258.862.770
4. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (5=4*3)	1.260.615.873	851.772.554
6. Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
7. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.260.615.873	851.772.554

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Rủi ro tín dụng (tiếp theo)*Tiền gửi ngân hàng*

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và/hoặc bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

	Không quá hạn		Quá hạn	
	không bị suy giảm	bị suy giảm	không bị suy giảm	bị suy giảm
Ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Dưới 90 ngày	-	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	647.308.980
Tổng cộng giá trị ghi sổ	-	-	-	647.308.980
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(557.585.107)
Giá trị thuần	-	-	-	89.723.873
Ngày 31 tháng 12 năm 2022				
Dưới 90 ngày	188.542.539	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	104.631.230
Tổng cộng giá trị ghi sổ	188.542.539	-	-	104.631.230
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(102.550.032)
Giá trị thuần	188.542.539	-	-	2.081.198

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	33.000.010.344	-	-	33.000.010.344
Phải trả người bán	25.236.626.940	-	-	25.236.626.940
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	1.536.544.697	2.184.336.000	-	3.720.880.697
	59.773.181.981	2.184.336.000	-	61.957.517.981

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	26.274.032.877	-	-	26.274.032.877
Phải trả người bán	22.850.541.010	-	-	22.850.541.010
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	1.191.147.009	1.251.600.000	-	2.442.747.009
	50.315.720.896	1.251.600.000	-	51.567.320.896

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng nhà cửa vật kiến trúc, phương tiện vận tải và quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số 14 - Vay và nợ thuê tài chính).

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Xem bảng trình bày trang 40.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Trong năm Công ty cũng không phát sinh giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

3a.1. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

3a.2. Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

3a.5. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Tính chất thu nhập	Năm 2023	Năm 2022
Hoàng Thanh Bình	Chủ tịch HĐQT	Lương và thưởng	81.000.000	160.000.000
Nguyễn Thị Minh Quang	Phó Chủ tịch	Lương và thưởng	36.000.000	24.000.000
Nguyễn Thị Tuất	Thành viên HĐQT	Lương và thưởng	50.000.000	24.000.000
Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	Lương và thưởng	7.000.000	-
Đỗ Cử Nhân	Giám đốc	Lương và thưởng	435.830.963	449.466.222
Nguyễn Hữu Cấp	Phó Giám đốc	Lương và thưởng	366.789.129	379.748.748
Trần Thái Nhân	Phó Giám đốc	Lương và thưởng	362.368.262	369.288.538
Cộng			1.338.988.354	1.406.503.508

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty CP Điện tử Việt	Công ty góp vốn
Công ty CP Chứng khoán BETA	Công ty góp vốn
Công ty CP Thiên Quang	Công ty liên kết
Công ty CP Nam Việt	Công ty liên kết

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3b.1. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

Bên liên quan khác	Tính chất giao dịch	Năm 2023	Năm 2022
Công ty CP Điện tử Việt	Phải trả tiền thuê mặt bằng	2.256.210.000	1.804.110.000
Công ty CP Điện tử Việt	Phải thu tiền bán hàng	25.821.810	36.792.845
Công ty CP Chứng khoán BETA	Phải trả tiền phí tư vấn	2.200.000.000	-
Công ty CP Thiên Quang	Chi hộ thuế và chi phí khác	3.000.000	6.360.000
Công ty CP Nam Việt	Chi hộ thuế và chi phí khác	5.909.000	4.727.000
Cộng		4.490.940.810	1.851.989.845

3b.2. Công nợ các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty góp vốn và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, 3, 4, 10.

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty có trụ sở chính và chi nhánh đều tọa lạc trên địa bàn Tỉnh Khánh Hòa nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh, còn báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

4.1. Báo cáo bộ phận: theo lĩnh vực kinh doanh**a. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh niên độ 2023**

Năm 2023, Công ty báo cáo hoạt động theo các lĩnh vực kinh doanh: lĩnh vực dịch vụ sách và văn phòng phẩm, lĩnh vực dịch vụ cho thuê văn phòng. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Năm 2023	Lĩnh vực dịch vụ sách và VPP	Lĩnh vực dịch vụ cho thuê văn phòng	Tổng cộng
Doanh thu thuần	134.284.679.818	1.981.493.566	136.266.173.384
Giá vốn	95.849.505.945	19.522.260	95.869.028.205
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.435.173.873	1.961.971.306	40.397.145.179

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4.1. Báo cáo bộ phận: theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**b. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh niên độ 2022**

Năm 2022, Công ty báo cáo hoạt động theo các lĩnh vực kinh doanh: lĩnh vực dịch vụ sách và VPP, lĩnh vực dịch vụ cho thuê văn phòng. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Năm 2022	Lĩnh vực dịch vụ sách và VPP	Lĩnh vực dịch vụ cho thuê văn phòng	Tổng cộng
Doanh thu thuần	126.279.505.240	1.762.940.908	128.042.446.148
Giá vốn	89.653.930.426	19.522.260	89.673.452.686
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.625.574.814	1.743.418.648	38.368.993.462

4.2. Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Trụ sở chính và các chi nhánh của Công ty đều tọa lạc trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và hạch toán phụ thuộc. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thu Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Cấp

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 05 năm 2024



GIÁM ĐỐC

Đỗ Cử Nhân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2023	01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Tổng giá trị cổ phiếu	6.648.680.000	-	6.648.680.000	5.232.500.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Mã CK: STB (a)	6.039.680.000	-	6.039.680.000	5.232.500.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Mã CK: CTG (c)	307.000.000	-	307.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh - Mã CK: REE (b)	302.000.000	-	302.000.000	-
Cộng	6.648.680.000	-	6.648.680.000	5.232.500.000

Thuyết minh chi tiết với từng khoản đầu tư

(a) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm giữ 206.900 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - mã chứng khoán: STB, niêm yết tại sàn giao dịch HOSE. Giá mua lần lượt là 30.950 VND/cổ phiếu với số lượng là 50.000 cổ phiếu, 29.750 VND/cổ phiếu với số lượng là 30.000 cổ phiếu, 28.850 VND/cổ phiếu với số lượng là 50.000 cổ phiếu, 28.700 VND/cổ phiếu với số lượng là 20.000 cổ phiếu, 27.900 VND/cổ phiếu với số lượng là 50.000 cổ phiếu, 27.272 VND/cổ phiếu với số lượng là 6.900 cổ phiếu. Giá cổ phiếu STB niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 27.950 VND/cổ phiếu. Hiện tại công ty đã bán toàn bộ số lượng cổ phiếu nêu trên với giá bán lần lượt là 31.280 VND/ cổ phiếu với số lượng 50.000 cổ phiếu, 31.100 VND/ cổ phiếu với số lượng 50.000 cổ phiếu, 31.775 VND/ cổ phiếu với số lượng 106.900 cổ phiếu.

(b) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm giữ 10.000 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - mã chứng khoán: CTG, niêm yết tại sàn giao dịch HOSE, giá mua tại ngày giao dịch là 30.700 VND/cổ phiếu. Giá cổ phiếu CTG niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 27.100 VND/cổ phiếu. Hiện tại công ty đã bán toàn bộ số lượng cổ phiếu nêu trên với giá bán là 31.000 VND/ cổ phiếu.

(c) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty nắm giữ 5.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh - mã chứng khoán: REE, niêm yết tại sàn giao dịch HOSE, giá mua tại ngày giao dịch là 60.400 VND/cổ phiếu. Giá cổ phiếu REE niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 56.800 VND/cổ phiếu. Hiện tại công ty đã bán toàn bộ số lượng cổ phiếu nêu trên với giá bán lần lượt là 62.800 VND/ cổ phiếu với số lượng 3.000 cổ phiếu, 64.044 VND/ cổ phiếu với số lượng 2.000 cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b. Đầu tư vào công ty liên kết	31/12/2023		01/01/2023			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP DV Đầu tư Xây dựng và Thương mại Nam Việt (a)	9.800.000.000	(980.000.000)	8.820.000.000	9.800.000.000	-	9.800.000.000
Công ty CP Đầu tư Bất động sản Thiên Quang (b)	9.800.000.000	-	9.800.000.000	9.800.000.000	-	9.800.000.000
Cộng	19.600.000.000	(980.000.000)	18.620.000.000	19.600.000.000	-	19.600.000.000

- Tình hình hoạt động của các công ty liên kết và các giao dịch trọng yếu giữa các bên liên quan trong năm:

(a) Thuyết minh khoản đầu tư vào Công ty CP DV Đầu tư Xây dựng và Thương mại Nam Việt

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 05/03/2020, vốn điều lệ của Công ty CP Dịch vụ Đầu tư Xây dựng và Thương mại Nam Việt là 20 tỷ đồng. Công ty CP Phát hành Sách Khánh Hòa đăng ký số vốn góp là 9.8 tỷ đồng, tương ứng 980.000 cổ phần, chiếm 49% tổng số vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký. Công ty CP Dịch vụ Đầu tư Xây dựng và Thương mại Nam Việt đã tạm ngừng việc triển khai đầu tư xây dựng cơ bản dở dang trước đây. Hội đồng quản trị công ty đang tìm kiếm hướng đầu tư mới để tiếp tục duy trì hoạt động của công ty. Báo cáo tài chính năm 2023 của công ty chưa được kiểm toán.

(b) Thuyết minh khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Bất động sản Thiên Quang

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 06/03/2020, vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư bất động sản Thiên Quang là 20 tỷ đồng. Công ty CP Phát hành Sách Khánh Hòa đăng ký số vốn góp là 9,8 tỷ đồng, tương ứng 980.000 cổ phần, chiếm 49% tổng số vốn điều lệ. Công ty Thiên Quang đã tạm ngừng việc triển khai đầu tư xây dựng cơ bản dở dang trước đây. Công ty đã tiến hành chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty CP Đầu tư bất động sản Thiên Quang theo hợp đồng chuyển nhượng số 2202/2024/HĐCNCP-BĐSTQ ngày 22 tháng 02 năm 2024, giá trị chuyển nhượng bằng với giá trị đầu tư.

- Nguyên tắc ghi nhận giá trị hợp lý khoản đầu tư tài chính dài hạn

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì các công ty này không phải là công ty đại chúng và không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, công ty trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư căn cứ vào báo cáo tài chính của công ty đầu tư theo phương pháp giá gốc trừ dự phòng suy giảm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V 16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	18.000.000	860.771.856	159.537.348	1.532.821.752	32.571.130.956
- Tăng vốn	6.000.000.000	-	-	-	-	6.000.000.000
- Lợi nhuận	-	-	-	-	3.204.464.570	3.204.464.570
- Trích lập Quỹ KTPL	-	-	-	-	(92.821.752)	(92.821.752)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.440.000.000)	(1.440.000.000)
- Phụ cấp HĐQT và BKS	-	-	-	-	(139.400.000)	(139.400.000)
Số dư cuối năm trước	36.000.000.000	18.000.000	860.771.856	159.537.348	3.065.064.570	40.103.373.774
Số dư đầu năm nay	36.000.000.000	18.000.000	860.771.856	159.537.348	3.065.064.570	40.103.373.774
- Tăng vốn	11.502.770.000	-	-	-	-	11.502.770.000
- Lợi nhuận	-	-	-	-	3.937.783.521	3.937.783.521
- Trích lập Quỹ KTPL	-	-	-	-	(275.064.570)	(275.064.570)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(2.790.000.000)	(2.790.000.000)
- Phụ cấp HĐQT và BKS	-	-	-	-	(286.500.000)	(286.500.000)
Số dư cuối năm nay	47.502.770.000	18.000.000	860.771.856	159.537.348	3.651.283.521	52.192.362.725

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2023	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2022
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tài sản tài chính				
- Phải thu khách hàng	291.659.664	(114.081.532)	293.173.769	(102.550.032)
- Phải thu khác	40.972.861.969	(443.503.575)	29.614.662.011	(320.618.625)
- Tiền và các khoản tương đương tiền	6.820.994.817	-	3.509.685.015	-
- Tài sản tài chính khác	6.648.680.000	-	-	6.648.680.000
TỔNG CỘNG	61.382.876.450	(557.585.107)	38.650.020.795	(423.168.657)
Nợ phải trả tài chính				
- Vay và nợ	33.000.010.344	-	26.274.032.877	-
- Phải trả người bán	25.236.626.940	-	22.850.541.010	-
- Phải trả khác và chi phí phải trả	3.720.880.697	-	2.442.747.009	-
TỔNG CỘNG	61.957.517.981	-	51.567.320.896	-
			61.957.517.981	51.567.320.896